

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ- UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng
vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 557/SXD-QH ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây

dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 6210/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2021 của UBND huyện Triệu Sơn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Lưu: VT, CN.
- H1.(2022)QDPD_QDQL VH Triệu Sơn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

PHẦN I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 đã được phê duyệt.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Triệu Sơn đảm bảo đúng theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn được phê duyệt.

3. Quy định này để làm căn cứ xác lập nhiệm vụ và nội dung đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn huyện Triệu Sơn.

Điều 2. Nguyên tắc lập quy định quản lý

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, được lập trên cơ sở nội dung đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 14/10/2021.

Nội dung Quy định quản lý được tuân thủ theo quy định tại Điều 9, Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi Quy định này phải do cấp có thẩm quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài những quy định nêu trong Quy định này, việc quản lý quy hoạch, xây dựng còn phải tuân thủ các quy định khác của Pháp luật có liên quan.

PHẦN II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Điều 3. Phạm vi, ranh giới vùng quản lý

1. Phạm vi vùng quản lý: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Triệu Sơn, bao gồm 34 đơn vị hành chính cấp xã (02 thị trấn và 32 xã); ranh giới như sau:

- Phía Bắc: giáp huyện Thiệu Hóa và huyện Thọ Xuân;
- Phía Nam: giáp huyện Như Thanh và huyện Nông Cống;
- Phía Đông: giáp huyện Đông Sơn;
- Phía Tây: giáp huyện Như Thanh, Thọ Xuân và huyện Thường Xuân.

2. Quy mô dân số và đất đai:

- Quy mô dân số:
 - + Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2020: 204.005 người; Tỷ lệ đô thị hoá 12%;
 - + Dự báo đến năm 2030: dân số toàn huyện khoảng 250.000 người, dân số đô thị khoảng 100.000 người; Tỷ lệ đô thị hoá khoảng 40%;
 - + Dự báo đến năm 2045: dân số toàn huyện khoảng 308.000 người; dân số đô thị khoảng 169.000 người; Tỷ lệ đô thị hoá khoảng 55%.
- Quy mô đất đai:
 - + Diện tích tự nhiên: 29.004ha;
 - + Hiện trạng đất xây dựng năm 2020 khoảng 8.000ha; bình quân khoảng 395m²/người.
 - + Dự báo nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 khoảng 9.000-10.000ha; năm 2031-2045 khoảng 12.000-13.000ha.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế.

1. Phân vùng phát triển:

- Toàn huyện được chia thành 03 vùng phát triển:

+ Vùng 1 (vùng phía Tây Bắc): Gắn với Trung tâm kinh tế động lực Lam Sơn – Sao Vàng, lấy đô thị Đà là trung tâm vùng. Phát triển chủ yếu về nông nghiệp an sinh, lâm nghiệp kết hợp dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái vùng đồi (homestay và farmstay), công nghiệp, làng nghề và đô thị;

+ Vùng 2 (vùng Trung tâm): Là vùng Trung tâm hành chính, chính trị, văn hoá, y tế, giáo dục của huyện. Trong đó lấy thị trấn Triệu Sơn và đô thị Sim là trung tâm vùng. Định hướng phát triển chủ yếu về đô thị, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao;

+ Vùng 3 (vùng Đông Nam): Gắn với Trung tâm kinh tế động lực thành phố Thanh Hoá – Sầm Sơn. Thị trấn Nưa và đô thị Gồm là trung tâm vùng. Là vùng phát triển chủ yếu về công nghiệp, đô thị, du lịch văn hoá lịch sử, đầu mối giao thông của tỉnh, dịch vụ logistics, nông nghiệp an sinh, nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao và khai thác khoáng sản.

- Các vùng hạn chế phát triển:

+ Vùng di tích thắng cảnh Ngàn Nưa gắn với rừng tự nhiên núi Nưa;

+ Các khu vực bảo vệ di tích đã được xếp hạng trên địa bàn huyện;

+ Khu vực cảnh quan vùng đồi, vùng hồ đầm, sinh thái nông nghiệp tại các xã Thọ Bình, Thọ Sơn, Bình Sơn, Triệu Thành, Thái Hoà, Vân Sơn;

+ Các khu vực đất Quốc phòng an ninh hiện có và các khu đất đã được quy hoạch cho nhiệm vụ Quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gồm trường bắn của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, trung tâm huấn luyện nghiệp vụ công an,...);

+ Khu vực mỏ Cromit (tại thị trấn Nưa, xã Thái Hòa và xã Vân Sơn): Thực hiện theo quy hoạch về sử dụng tài nguyên có liên quan, khai thác có kiểm soát, thận trọng, cân nhắc giữa lợi ích kinh tế và kiểm soát cảnh quan, giá trị lịch sử khu vực Ngàn Nưa.

2. Các không gian phát triển kinh tế:

a) Không gian phát triển công nghiệp

- Định hướng không gian phát triển công nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng

thể phát triển Công nghiệp và Thương mại tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt; Chương trình phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025. Đối với khu vực khai thác khoáng sản phải tuân thủ theo Luật Khoáng sản và các quy định về sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường có liên quan;

- Các vùng không gian phát triển công nghiệp gồm các Khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp (CCN) được quản lý cụ thể theo Nghị định 82 của Chính phủ về Quy định quản lý KCN, Khu Kinh tế và các quy định khác của pháp luật. Các khu vực phát triển công nghiệp không thuộc vị trí các KCN, CCN đã được xác định trong đồ án thì quản lý và thực hiện theo các quy định của quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã;

- Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phải đi liền với xây dựng đồng bộ các cơ sở dịch vụ, điểm dân cư, tạo điều kiện sống và làm việc cho lao động ở các cụm công nghiệp;

- Cần lựa chọn các loại hình sản xuất xanh, sạch, hiệu quả kinh tế cao. Ưu tiên công nghiệp chế biến, công nghiệp sử dụng nhiều lao động, công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghiệp sạch thân thiện môi trường. Cải thiện không gian cây xanh cảnh quan cho các khu vực công nghiệp;

- Các khu vực khai thác khoáng sản thực hiện khai thác theo Luật Khoáng sản, Quy hoạch sử dụng đất huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2030 và về sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường có liên quan.

- Quy định về dải cách ly vệ sinh: Tùy theo mức độ độc hại về môi trường, giữa các công trình công nghiệp và khu dân cư phải có dải cách ly vệ sinh. Chiều rộng dải cách ly phải đảm bảo khoảng cách theo quy định tối thiểu 10m.

- Quy định về bãi phế liệu, phế phẩm: Bãi phế liệu, phế phẩm công nghiệp phải được rào chắn và không làm ảnh hưởng xấu tới điều kiện vệ sinh của các xí nghiệp xung quanh và không làm nhiễm bẩn môi trường. Bãi chứa các phế liệu nguy hiểm (dễ gây cháy nổ, dịch bệnh...) phải có biện pháp xử lý các chất độc hại và đảm bảo khoảng cách ly theo quy định.

b) Không gian phát triển nông – lâm nghiệp

- Định hướng không gian phát triển Nông – Lâm nghiệp phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021-2025 và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh và của huyện;

- Sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp an toàn, quy mô lớn, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng cây, con có giá trị kinh tế cao, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, tăng hiệu quả sử dụng đất, có tính đến các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh;

- Xây dựng các nông trại, vườn cây ăn quả lâu năm, các trang trại, gia trại tại khu vực vùng đồi phía Tây Nam, kết hợp để phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, dã ngoại.

- Phân vùng sản xuất nông nghiệp:

Vùng 1: Sản xuất lúa và rau an toàn (Viet Gap) năng suất, chất lượng cao tại các xã: Khuyến Nông, An Nông, Tiến Nông, Nông Trường, Dân Lý.

Vùng 2: Sản xuất lúa và rau màu (ngô) năng suất, chất lượng khá tại các xã Thọ Vực, Thọ Phú, Xuân Lộc.

Vùng 3: Vùng sản xuất cây ăn quả kết hợp trang trại và nuôi trồng thủy sản tại các xã Thọ Cường, Thọ Tiến, Thọ Thế, Thọ Tân, Triệu Thành, Xuân Thọ.

Vùng 4: Vùng trồng cây lâm nghiệp, cây dược liệu, kết hợp trang trại, nuôi trồng thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái và trải nghiệm vùng đồi tại các xã Thọ Sơn, Thọ Bình, Bình Sơn, Triệu Thành; Vùng bảo tồn rừng phòng hộ tại thị trấn Nưa, xã Thái Hoà, Vân Sơn.

Vùng 5: Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại các xã: Thọ Thế, Thọ Phú, Dân Lực, Xuân Thịnh, Dân Quyền, Thái Hoà, Vân Sơn, đô thị Nưa.

c) Không gian phát triển du lịch

- Định hướng phát triển ngành du lịch phải tuân thủ theo luật, các quy định hiện hành về du lịch, di sản văn hoá và các Quy hoạch; Chiến lược; Chương trình phát triển du lịch của tỉnh Thanh Hoá;

- Phát triển du lịch phải đảm bảo cân bằng sinh kế cho người dân, đảm bảo điều kiện sống cho các đối tượng khác nhau trong xã hội (bao gồm cả khách du lịch, lao động phục vụ, các thành phần dân số không chính thức...);

- Phát triển du lịch phải gắn liền với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, gìn giữ các không gian xanh ven sông, rừng phòng hộ, đảm bảo phát triển bền vững;

- Đối với các khu du lịch, khi có quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết phải có quy định cụ thể về hình thức kiến trúc cho từng khu vực.

d) Không gian phát triển thương mại

- Định hướng không gian phát triển thương mại dịch vụ phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và thương mại tỉnh Thanh Hóa và các Quy hoạch khác có liên quan;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn huyện được hoàn chỉnh theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa, các khu vực đô thị mới ...với phát triển thị trường tại khu vực nông thôn, phát triển các điểm giao dịch thu mua sản phẩm của người nông dân;

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống công trình dịch vụ tại các đô thị: dịch vụ xã hội (bảo hiểm, ngân hàng, tín dụng, vận tải, thông tin liên lạc, tư vấn pháp luật...), dịch vụ vận tải, xăng dầu, dịch vụ nông nghiệp cung cấp vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, bảo vệ thực vật, thú y...;

- Các cụm thương mại-dịch vụ cần có vị trí giao lưu thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung hoặc gắn với các cụm công nghiệp, các khu du lịch, nghỉ dưỡng... đặc biệt là khai thác lợi thế các tuyến hành lang kinh tế: Quốc lộ 47, Quốc lộ 47C, đường Nghi Sơn – Sao Vàng, đường nối thành phố Thanh Hoá với đường Nghi Sơn – Sao Vàng, tỉnh lộ 514;

- Mạng lưới trung tâm thương mại, siêu thị ở huyện Triệu Sơn phát triển theo mô hình dạng vừa, phân bố đồng đều;

- Trung tâm thương mại đầu mối chính của vùng: được bố trí tại 2 đô thị là thị trấn Triệu Sơn và đô thị Gồm, có chức năng là trung tâm phát luồng hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện;

- Dịch vụ vận tải: Bố trí tại đô thị Gồm gắn với đường nối thành phố Thanh Hoá với đường Nghi Sơn – Sao Vàng và nút giao nhập luồng với đường cao tốc Bắc Nam dự kiến tại xã Đồng Thắng.

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về hệ thống đô thị:

Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch tỉnh Thanh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 – 2030 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016; Nghị Quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về Phân loại đô thị; số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính & phân loại đơn vị hành chính; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 07/02/2020 về phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 đạt mục tiêu đô thị hóa 35%.

*** Giai đoạn 2021 đến năm 2030:**

- Toàn huyện Triệu Sơn có 5 đô thị: Thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa, đô thị Gốm, đô thị Sim và đô thị Đà. Trong đó thị trấn Triệu Sơn mở rộng hết toàn bộ diện tích xã Minh Sơn;

- Lập điều chỉnh mở rộng QHC đô thị Thiệu trên phạm vi 02 xã Dân Lý và Dân Quyền, làm cơ sở quản lý, tổ chức đầu tư theo quy hoạch đô thị, hướng tới trở thành khu vực đô thị hoá sau năm 2030.

*** Giai đoạn 2031-2045:**

Xây dựng huyện Triệu Sơn đảm bảo tiêu chuẩn đô thị loại IV trên toàn huyện, hướng tới thành lập thị xã Triệu Sơn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Triệu Sơn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại các Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Quy định quản lý các xã nông thôn:

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị Quyết Trung ương 7 khoá X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”;

- Phát triển các xã nông thôn theo mô hình xây dựng các khu trung tâm xã tập trung thành cụm công trình, đảm bảo bán kính phục vụ thuận lợi cho người dân. Các khu dân cư mới phát triển theo cụm nhằm sử dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội;

- Dành quỹ đất để bố trí các khu dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp gắn với các khu thương mại, liên kết thuận lợi với khu vực sản xuất (Theo Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện giai đoạn 2017-2020);

- Đối với cảnh quan làng, khu dân cư: cải tạo chỉnh trang các thôn, xóm trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh;

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch... Mô hình đô thị trang trại tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương;

Giai đoạn 2021-2025 triển khai rộng rãi mô hình xã nông thôn kiểu mẫu, phấn đấu sau năm 2025 hoàn thành huyện kiểu mẫu.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1. Hệ thống trung tâm Hành chính chính trị

Ổn định trung tâm hành chính huyện tại thị trấn Triệu Sơn. Nâng cấp, cải tạo trụ sở cơ quan. Nghiên cứu mở rộng quy mô, bổ sung các công trình hạng mục thiết yếu.

Trung tâm hành chính các đô thị cần tổ chức tại các vị trí trung tâm đô thị, thuận lợi về mặt giao thông và có bán kính phục vụ hợp lý, thuận lợi cho người dân sử dụng. Trung tâm hành chính các xã được xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới.

2. Hệ thống công trình Y tế

- Mạng lưới công trình y tế xây dựng hoàn chỉnh, hiện đại, hoạt động hiệu quả từ cấp xã đến cấp huyện, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao và đa dạng của nhân dân;

- Thực hiện mở rộng bệnh viện đa khoa, nâng cấp quy mô lên 500 giường. Xây dựng Quốc tế Sao Mai tại đô thị Đà quy mô 450 giường;

- Xây dựng thêm bệnh viện, phòng khám đa khoa với hình thức xã hội hoá tại các khu vực đô thị (thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa, đô thị Sim, đô thị Gốm).

3. Hệ thống công trình Giáo dục

- Ổn định vị trí các trường THPT, trung tâm GDNN - GDTX như hiện nay. Mở rộng nâng cấp trường THPT đảm bảo đảm bảo tiêu chuẩn 40 học sinh/1000 dân, 10 m²/học sinh. Quy mô trung bình đạt 3,0 ha/trường.

Sau năm 2030 khuyến khích hình thành thêm các trường liên cấp trong các khu vực đô thị theo hình thức xã hội hóa.

4. Hệ thống công trình Văn hóa - thể thao

* Công trình văn hóa:

- Xây dựng mới trung tâm văn hóa của huyện tại thị trấn Triệu Sơn: Với quy mô khoảng 8,2 ha: gồm công trình nhà bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa thanh thiếu nhi huyện;

- Trung tâm văn hóa tiểu vùng: Xây dựng tại các đô thị: thị trấn Nưa, đô thị Gốm, đô thị Đà, đô thị Sim, đô thị Thiệu, bao gồm nhà văn hóa 500 chỗ ngồi, cửa hàng sách dịch vụ văn hóa tổng hợp và một số nhà chức năng sinh hoạt cho các câu lạc bộ. Quy mô đạt tối thiểu 4,0 ha/trung tâm.

* Trung tâm Thể dục – thể thao (TDTT):

- Phát triển mạng lưới công trình văn hoá, thể thao theo hướng đồng bộ, phù hợp với Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 11/9/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030, tỉnh Thanh Hoá.

- Trung tâm TDTT cấp huyện tại thị trấn Triệu Sơn; Tổng diện tích khoảng 10 ha;

- Trung tâm TDTT cấp đô thị: Tại thị trấn Nưa, đô thị Gốm, đô thị Thiệu, đô thị Đà, đô thị Sim, quy mô khoảng 7 ha/trung tâm.

Điều 7. Quy định về hệ thống hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Giao thông:

Quy hoạch Giao thông huyện Triệu Sơn phù hợp với Chiến lược phát triển GTVT Việt Nam; Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 về điều chỉnh tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số: 3227/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hoá về phê duyệt điều chỉnh tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các quy hoạch GTVT chuyên ngành đã được các cấp phê duyệt.

* Quốc lộ (QL):

- Đường bộ cao tốc: Quản lý chặt chẽ theo lộ giới quy hoạch của Bộ Giao thông vận tải đối với đường Cao tốc Bắc - Nam: đoạn qua đô thị Thanh Hóa quy mô 6 làn xe; chỉ giới đường đỏ (CGĐĐ) 120,0m;

- Các tuyến Quốc lộ đạt tiêu chuẩn đường cấp III,IV; 2-4 làn xe.

* Đường tỉnh (ĐT):

- Các tuyến đường tỉnh quy mô đường cấp III, 4 làn xe;

- Đường từ Trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn đến năm 2025: đạt quy mô đường cấp I (CGĐĐ từ 65-80m). Đến năm 2045: đạt tiêu chuẩn đường cao tốc.

* Đường huyện (ĐH): Nâng cấp, mở rộng các đoạn hiện có và bổ sung xây dựng mới, để hoàn chỉnh kết nối toàn huyện. Các tuyến đường huyện xem xét tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp V đồng bằng.

* Về định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống đường gom: Tổ chức hệ thống đường gom tại các vị trí xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị và các công trình tập trung lưu lượng giao thông vận tải lớn để kết nối với quốc lộ tại các điểm đầu nối được duyệt. Vị trí kết nối trực tiếp vào hệ thống quốc lộ phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đường bộ chấp thuận trước khi triển khai thực hiện.

* Quy hoạch bến xe ô tô khách:

- Hệ thống bãi đỗ xe đô thị được xây dựng kết hợp với các khu vực chức năng của đô thị, tùy theo nhu cầu cụ thể;

- Quy mô xây dựng bến xe phải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bến xe khách được Bộ Giao thông ban hành kèm theo quyết định số 75/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Về giao thông công cộng, tiếp tục khai thác, nâng cấp các tuyến xe bus hiện có. Nghiên cứu phát triển các tuyến bus mới theo các tuyến Đường tỉnh quy hoạch, tăng cường kết nối huyện với các khu vực trọng điểm trong tỉnh như thành phố Thanh Hóa, Sầm Sơn, CHK Thọ Xuân, Nghi Sơn...

2. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Đối với khu vực đô thị: Đảm bảo cao độ xây dựng tối thiểu $H_{xd} \geq +2,5m$; Cao độ mặt đê $H_{xd} \geq +4,6m$, đảm bảo tiêu chuẩn chống lũ thiết kế, phòng chống thiên tai;

- Đối với khu vực làng xóm hiện trạng cao độ nền đã ổn định, do đó sẽ giữ nguyên nền xây dựng hiện trạng và cần bổ sung thêm các tuyến cống thoát nước với độ sâu cống phù hợp, tránh hiện tượng úng ngập xảy ra;

- Việc thoát nước mặt chủ yếu kết hợp hệ thống các kênh, mương tiêu và các trạm bơm thoát nước mưa cho đô thị và các điểm dân cư ra các hệ thống sông hiện có như sông Hoàng và sông Nhôm. Trong quá trình xây dựng, phát triển đô thị cần giữ tối đa diện tích bề mặt các hệ thống ao, hồ, đập sẵn có trên địa bàn toàn huyện làm hệ thống điều hòa nước mặt một cách tự nhiên kết hợp với nạo vét lòng dẫn các trục tiêu chính và hệ thống kênh tiêu nội đồng, nâng cấp các trạm bơm tiêu động lực với hệ số tiêu mới, đặc biệt là tiêu cho vùng trũng các xã Đồng Thắng, Đồng Tiến, Đồng Lợi.

3. Hệ thống cấp nước:

a) Cấp nước phục vụ nông nghiệp.

Hệ thống kênh và phương án cấp nước thực hiện theo Quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Nam sông Chu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Cấp nước sinh hoạt và công nghiệp.

- Nguồn nước: Hệ thống Bái Thượng là nguồn nước mặt chính cấp cho 3 nhà máy nước tại Thọ Ngọc, thị trấn Triệu Sơn và thị trấn Nưa. Giai đoạn đầu, vẫn dùng nguồn nước thô từ kênh Nam; Giai đoạn sau năm 2025, nguồn nước thô được lấy từ “hệ thống cấp nước thô chuỗi đô thị dọc quốc lộ 47, thành phố Thanh Hóa và vùng phụ cận” theo quyết định số 261/QĐ - TTg ngày 15 tháng 02 năm 2020;

- Cấp nước chữa cháy: Mạng lưới cấp nước được tính toán cho cấp nước sinh hoạt và chữa cháy. Vị trí trụ cứu hỏa sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư xây dựng đảm bảo theo các quy định và được cơ quan quản lý chuyên ngành chấp thuận.

4. Quy định quản lý hệ thống cấp năng lượng:

- Hệ thống cung cấp năng lượng phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hoá;

- Đầu tư nâng cấp các công trình điện: Trạm 110kV Triệu Sơn lên (2x40)MVA; Trạm 110kV Triệu Sơn 2 công suất (2x63)MVA; Trạm 110kV Cổ Định (cấp điện cho Nhà máy Cromit) và hệ thống lưới điện 110kV, 35kV và 22kV đáp ứng yêu cầu cấp điện an toàn, ổn định cho nhu cầu sử dụng điện trên toàn huyện;

- Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo mỹ quan đô thị và phải đảm bảo theo tiêu chuẩn hiện hành. Đảm bảo sử dụng năng lượng hiệu quả.

5. Quy định quản lý hạ tầng viễn thông thụ động:

- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng viễn thông thụ động có công nghệ hiện đại, phù hợp với phương án phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045, Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3705/QĐ-UBND ngày 24/9/2015;

- Mạng hạ tầng viễn thông khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet, và mạng truyền thanh/truyền hình;

Khi tiến hành lập QHC đô thị, QHC xã phải tính toán xây dựng vị trí, diện tích xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông bảo đảm cung cấp các dịch vụ viễn thông; mạng cáp quang triển khai đến 100% thôn, khu phố, cụm dân cư; Phủ sóng 4G/5G thế hệ mới sau 5G đến 100% thôn, khu phố, cụm dân cư; ngầm hoá hệ thống cáp thông tin liên lạc tại các khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị; từng bước hạ ngầm hệ thống cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

6. Hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn:

a) Thu gom và xử lý nước thải (XLNT)

Định hướng xây dựng các trạm XLNT tập trung cho khu vực đô thị mới theo quy hoạch thoát nước đô thị vùng tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào dự báo nhu cầu xử lý nước thải tập trung khu vực nội thị xây dựng 06 trạm XLNT cho khu vực đô thị;

- Nước thải nông thôn: Yêu cầu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15/12/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; Mục 2.11.2 QCVN 01: 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng. Tái sử dụng nước thải sau xử lý để phục vụ nông nghiệp. 100% các hộ gia đình phải sử dụng xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách;

- Nước thải công nghiệp phải được làm sạch đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường bên ngoài;

- Nước thải y tế: Nước thải y tế phải được thu gom và xử lý riêng trong bệnh viện đạt yêu cầu Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia trước khi thoát ra hệ thống thu gom chung.

b) Hệ thống xử lý chất thải rắn (CTR):

- Giai đoạn đến năm 2025: rác thải được thu gom và xử lý tại xã Hợp Thắng.

- Giai đoạn từ năm 2026 - 2050: dừng hoạt động khu xử lý rác tại xã Hợp Thắng, toàn bộ rác thải của huyện được thu gom và xử lý tại khu xử lý rác Thái Hòa - Vân Sơn với diện tích khoảng 15ha.

7. Hệ thống nghĩa trang:

- Đầu tư xây dựng nghĩa trang tại khu vực đô thị và nông thôn tuân thủ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

- Các khu nghĩa trang phải đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định. Các nghĩa trang hiện hữu không đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường sẽ khoanh vùng tiến tới đóng cửa.

Điều 8. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Phạm vi bảo vệ các công trình giao thông:

- Phạm vi hành lang bảo vệ các tuyến đường bộ phải đảm bảo theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 và Nghị định số 117/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ;

- Phạm vi hành lang bảo vệ các tuyến đường thủy nội địa phải đảm bảo theo quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Việc quản lý đầu tư xây dựng công trình phải đảm bảo tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến đường theo các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch chung xây dựng xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối:

a) Các yêu cầu bảo vệ, hành lang an toàn nguồn nước và công trình cấp nước

Phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; QCVN 01:2018/BYT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Đối với công trình cấp nước sạch (nhà máy nước thị trấn Triệu Sơn, thị trấn Nưa, nhà máy nước Thọ Ngọc): Quy định vùng bảo vệ nhà máy nước và bảo vệ nguồn nước mặt cấp cho nhà máy, được thực hiện theo quy định tại mục 2.10 của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về

quy hoạch xây dựng; QCVN 07-1:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - công trình cấp nước và QCVN 01: 2018/BYT Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

+ Đối với các hồ chứa thủy lợi, sông, suối, kênh, rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác: Các yêu cầu về bảo vệ, hành lang an toàn nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

b) Các yêu cầu bảo vệ, hành lang an toàn công trình thoát nước:

- Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực để đảm bảo nguyên tắc tự chảy. Trong các cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung;

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực đô thị và các khu dân cư tập trung xây dựng mới tại nông thôn. Các khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thì xây dựng giằng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường;

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thủy lợi, tiêu thoát nước: Tuân thủ theo Luật Thủy lợi; Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

c) Các yêu cầu bảo vệ, hành lang an toàn hệ thống điện:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện; Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ;

- Quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải đi ngầm; Đối với khu vực ngoài đô thị thì có thể sử dụng đường dây trên không nhưng phải sử dụng dây bọc cách điện và đảm bảo khoảng cách theo quy định hiện hành.

d) Các yêu cầu bảo vệ an toàn công trình viễn thông thụ động:

Thực hiện quản lý, bảo vệ an toàn công trình viễn thông theo quy định tại QCVN 33:2019/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông;

3. Quy định về quản lý công trình rác thải, nghĩa trang:

a) Công trình xử lý chất thải rắn (CTR):

- Quản lý chất thải rắn phải tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

- Khoảng cách về an toàn môi trường của trạm trung chuyển, công trình xử lý CTR tập trung phải được thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng và QCVN 01:2021/BXD.

- Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường cần quản lý chặt chẽ, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

b) Công trình nghĩa trang:

- Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Khoảng cách về an toàn môi trường công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Mục 2.13 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng và QCVN07-10:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia – Công trình nghĩa trang.

- Sử dụng nghĩa trang tập trung được xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hun gút, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy.

4. Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

Phạm vi bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ các quy định chuyên ngành tương ứng hiện hành.

5. Quy định về bảo vệ môi trường:

- Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di sản văn hóa - lịch sử phục vụ cho phát triển du lịch dịch vụ; xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường; đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí; bảo vệ các hệ sinh thái đặc trưng;

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường;

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng rừng phòng hộ, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn, vv...

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Bảo tồn các di sản thiên nhiên:

Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên khu vực vùng Ngàn Nưa, khu vực đồi núi phía Tây Nam... Cấm móc giới, khoanh vùng bảo vệ di tích; bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá số 32/2009/QH12; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích”.

2. Các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa:

Thực hiện theo điều 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Luật số 32/2009/QH12) và điều 14 Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử, văn hoá danh lam thắng cảnh; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

a) Tổ chức không gian:

- Quản lý chặt chẽ việc cải tạo, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình di tích lịch sử, danh lam, danh thắng;

- Nghiêm cấm xây dựng các công trình xây chen, các công trình tạm, công trình, tranh tre, nứa lá, nhà ở, hàng quán tạm bợ trong khu vực quy hoạch công trình di tích lịch sử-văn hóa, danh lam - thắng cảnh.

b) Bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích:

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi nguyên trạng công trình di tích, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá số 32/2009/QH12; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ và Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích;

- Xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, đảm bảo thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử-văn hóa, danh lam thắng cảnh tại Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ VHTT&DL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

c) Về cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng:

- Tổ chức cảnh quan xung quanh khu vực di tích đảm bảo sự hài hòa, tôn tạo và phát huy được các giá trị của di tích, tạo lập môi trường sinh thái, cảnh quan thích hợp với các hoạt động tín ngưỡng, văn hoá tâm linh của nhân dân và du khách thập phương;

- Tổ chức cảnh quan xung quanh các di tích sao cho hài hòa và tôn tạo được các giá trị của di tích, tạo được cảnh quan thích hợp với các hoạt động của người thăm quan di tích;

- Không bố trí các hoạt động kinh doanh trong khu vực bảo vệ di tích (đặc biệt là khu vực I của di tích – khu vực bảo vệ nghiêm ngặt). Do vậy, việc “bố trí các hoạt động kinh doanh chuyển sang khu vực bảo vệ cảnh quan di tích và khu vực được phép xây dựng các công trình”.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý

1. UBND huyện Triệu Sơn có trách nhiệm:

- Căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, tổ chức lập và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo thẩm quyền;

- Tổ chức chỉ đạo UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao, quản lý chặt chẽ, toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, phát triển cải tạo và quản lý không gian kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Quy hoạch vùng huyện Triệu Sơn đến năm 2045 và quy định quản lý đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

2. Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp và các ban ngành có liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai thực hiện và quản lý nhà nước các lĩnh vực ngành theo quy định của nhà nước và quy định này.

3. Mọi tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045 có trách nhiệm thi hành quy định này.

Điều 11. Quy định này được ban hành và lưu trữ tại:

- Các Sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp;
- UBND huyện Triệu Sơn và các xã, thị trấn thuộc huyện Triệu Sơn./.